

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 7 – 2026

*“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cần

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Bảy

2/ Bà Ngô Thị Phương Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 527/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1961/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 662/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B2, xã Thạnh An, thành phố Cần Thơ.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đô, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B2, xã Thạnh An, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn, bị đơn được sự đồng thuận của hai bên gia đình, đã tổ chức đám cưới, về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau, nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Nguyễn Nguyên Khánh, sinh năm 2016, Nguyễn Ngọc Ái Vy, sinh ngày 04/11/2019, Nguyễn Hoàng Minh Khôi, sinh năm 2025. Nay, nguyên đơn cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hợp với bị đơn, bất đồng quan điểm, thường xảy ra mâu thuẫn, hiện tại, nguyên đơn và bị đơn đã ly thân.

Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành; Yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phí bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh; khi sống chung, các đương sự có 03 con chung; bị đơn cư trú tại địa bàn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ. Nay, Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng 03 con chung. Nên, cần xác định quan hệ Tranh chấp là ly hôn, nuôi con khi ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ đã thụ lý và giải quyết

đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1] *Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:*

Hiện tại, nguyên đơn cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hợp với bị đơn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, làm cho hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ không thể hàn gắn lại được nữa; các đương sự cũng đã sống ly thân nhau đã lâu. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn. Bên cạnh đó, bị đơn đã cố tình từ bỏ mối hôn nhân này, bị đơn không đến tham gia các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không đạt được mục đích là mang lại hạnh phúc cho các bên; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3.2] *Về nuôi dưỡng 03 con chung:*

Hội đồng xét xử thấy, hiện các cháu đang ở cùng bị đơn, cháu Khánh đã hơn 10 tuổi và có nguyện vọng sống cùng mẹ; hiện cuộc sống các cháu đã ổn định, phát triển tốt nên cần ổn định cuộc sống hiện tại đối với các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con chung tên Nguyễn Nguyên Khánh, sinh năm 2016, Nguyễn Ngọc Ái Vy, sinh ngày 04/11/2019, Nguyễn Hoàng Minh Khôi, sinh năm 2025 cho nguyên đơn được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

[3.3] *Đối với yêu cầu cấp dưỡng 03 con chung. Hội đồng xét xử thấy:*

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, không thể hiện ý kiến của bị đơn nên các bên không có thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Theo Điều 116 [Luật Hôn nhân và Gia đình 2014](#) quy định về mức cấp dưỡng như sau: “1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.* 2. *Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải*

quyết'. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “2. Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. 3. Trường hợp các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng hoặc phương thức khác phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng”. Hội đồng xét xử thấy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung, mỗi con, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của người cấp dưỡng, tương đương 2.070.000 đồng/tháng (theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, lương tối thiểu vùng tại xã Thạnh An, TP. Cần Thơ là Vùng III với mức 4.140.000 đồng/tháng).

Do đó, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 cháu Khánh, Vy, Khôi, mỗi tháng với số tiền 2.070.000/01 cháu, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Thanh Thanh.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

2/ Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Nguyên Khánh, sinh năm 2016, Nguyễn Ngọc Ái Vy, sinh ngày 04/11/2019, Nguyễn Hoàng Minh Khôi, sinh năm 2025 cho nguyên đơn được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 cháu Khánh, Vy, Khôi, mỗi tháng với số tiền 2.070.000/01 cháu (hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn) đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0000744 ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Án phí cấp dưỡng: Bị đơn phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7/ Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Võ Văn Bảy – Ngô Thị Phương Trang

Phan Văn Cần

